TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 469/2019/QĐ-PT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 2557/2018/QĐST-LĐ ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012 và điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 2743/2016/TLST – LĐ ngày 27/12/2016 về việc: "Tranh chấp trợ cấp thôi việc", giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông P, sinh năm 1970. Địa chỉ: 19.3 Lô E2, chung cư Mỹ Đức, số 220 NT, Phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà A, sinh năm 1991. Địa chỉ: Lầu 7, Star Building, 33Ter – 33 Bis C, phường DK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 019384, Quyển số 4 ngày 29/11/2016 lập tại Phòng Công chứng Gia Định)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư T, sinh năm 1980, luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Sài Gòn Phú Sỹ, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Tổ chức A. Địa chỉ trụ sở chính: 181-183-185 phố H1, Phường H1, quận HBT, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà H2, sinh năm 1994 hoặc Bà H3 sinh năm 1994. Bà H2 và bà H3 có cùng địa chỉ: Tòa nhà Lê & Trần, 489/4 NTT, Phường M2, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/02/2019).

Ngày 20/12/2018, nguyên đơn Ông P có đơn kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 2557/2018/QĐST – LĐ ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận BT. Ông P cho rằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động nêu trên hoàn toàn trái pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền

lợi của ông nên yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy Quyết định số 2557/2018/QĐST – LĐ ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận BT và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm tiến hành xét xử lại theo luật định.

XÉT THẤY:

[1]. Xét về hình thức: Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 2557/2018/QĐST–LĐ của Tòa án nhân dân quận BT được ban hành ngày ngày 30/11/2018. Ngày 17/12/2018, Tòa án nhân dân quận BT mới thực hiện tống đạt quyết định này cho nguyên đơn. Ngày 21/12/2018, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

Xét thấy: Ngày 28/11/2016, nguyên đơn là Ông P nộp đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp về tiền trợ cấp thôi việc đối với bị đơn là Tổ chức A. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền trợ cấp thôi việc là 309.276.000 đồng cho khoảng thời gian nguyên đơn làm việc là 7 năm 5 tháng. Yêu cầu này được nguyên đơn tính từ ngày 28/5/2009 đến ngày 31/7/2016 trên cơ sở các hợp đồng đã được các bên ký kết.

Ngày 17/10/2017, ngày 27/12/2017 và ngày 10/01/2018 đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án phải áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[3]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến nguyên đơn và bị đơn đã ký và thực hiện các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng lao động ngày 27/5/2009 có thời hạn hợp đồng là 06 tháng kể từ ngày 28/5/2009 đến ngày 27/11/2009, công việc của nguyên đơn là giáo viên toàn thời gian, thù lao gộp hàng tháng là 1,560 đô la Mỹ, làm việc tại Hà Nội. Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ngày 19/7/2009.

- Hợp đồng lao động ngày 08/7/2009 có thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 20/7/2009 đến ngày 19/7/2010, công việc của nguyên đơn là Giám đốc học vụ, thù lao gộp hàng tháng là 1,800 đô la Mỹ. Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ngày 31/10/2009.

- Hợp đồng lao động ngày 16/10/2009 có thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 01/11/2009 đến ngày 30/10/2010, công việc của nguyên đơn là Giám đốc trung tâm, thù lao gộp hàng tháng là 2,000 đô la Mỹ, làm việc tại Hà Nội. Hợp đồng chấm dứt khi hết hạn hợp đồng.

- Hợp đồng lao động ngày 27/9/2010, có thời hạn hợp đồng là 14 tháng kể từ ngày 01/11/2010 đến ngày 31/12/2011, công việc của nguyên đơn là Giám đốc nghiệp vụ, thù lao gộp hàng tháng là 2,460 USD, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng chấm dứt khi hết hạn hợp đồng.

- Hợp đồng lao động ngày 01/11/2011, có thời hạn hợp đồng là 24 tháng

kể từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2014, công việc của nguyên đơn là Giám đốc nghiệp vụ, thù lao gộp hàng tháng được tính như sau: Từ ngày 01/01 đến 31/12/2012: 3,800USD; Từ ngày 01/01 đến 31/12/2013: 4,000 đô la Mỹ, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng chấm dứt khi hết hạn hợp đồng.

- Hợp đồng lao động ngày 30/12/2013 có thời hạn hợp đồng là 18 tháng kể từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2015, công việc của nguyên đơn là Giám đốc nghiệp vụ toàn quốc, thù lao gộp hàng tháng là 4.000 đô la Mỹ, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng chấm dứt khi hết hạn hợp đồng

- Hợp đồng dịch vụ ngày 30/6/2015 có thời hạn hợp đồng là 1 tháng kể từ ngày 01/7/2015 đến ngày 31/7/2015, phí dịch vụ: 85.200.000 đồng/tháng, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 có thời hạn hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 01/8/2015 đến ngày 31/7/2016, công việc của nguyên đơn là Giáo viên bán thời gian; Tiền lương là 468.600 đồng/giờ giảng dạy, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng giám đốc học vụ người lớn ngày 01/9/2015 có thời hạn hợp đồng là 2 tháng kể từ ngày 01/8/2015 đến ngày 31/10/2015, công việc của nguyên đơn là giám đốc học vụ, thù lao là 54.000.000 đồng/tháng, làm việc tại Hà Nội.

Ngày 30/9/2015, nguyên đơn có gửi email cho bị đơn để xin nghỉ việc. Quan điểm của các bên đương sự là:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng nội dung email ngày 30/9/2015, nguyên đơn chỉ xin nghỉ công việc làm giám đốc học vụ theo Hợp đồng lao động ngày 01/9/2015 và nguyên đơn vẫn tiếp tục công việc làm giáo viên bán thời gian theo Hợp đồng lao động ngày 28/7/2015 cho đến ngày 31/7/2016. Ngày cuối cùng nguyên đơn được nhận tiền lương là ngày 19/10/2015.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn xác nhận tất cả các hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết, bao gồm cả các hợp đồng dịch vụ, hợp đồng giám đốc học vụ và hợp đồng giáo viên bán thời gian là hợp đồng lao động. Ngày 30/9/2015, nguyên đơn có gửi email cho bị đơn để xin nghỉ việc và được nguyên đơn chấp nhận. Kể từ ngày 30/9/2015, nguyên đơn và bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động, nguyên đơn cũng đã bàn giao toàn bộ công việc cho bị đơn. Ngày 19/10/2015, bị đơn đã thanh toán toàn bộ tiền lương theo hợp đồng cho nguyên đơn.

[4]. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền trợ cấp thôi việc là 309.276.000 đồng cho khoảng thời gian nguyên đơn làm việc là 7 năm 5 tháng tính từ ngày 28/5/2009 đến ngày 31/7/2016 trên cơ sở các hợp đồng đã được các bên ký kết. Do đó, trên cơ sở của từng hợp đồng lao động đã được các bên ký kết, cần xác định:

[4.1]. Đối với 7 hợp đồng được ký kết đầu tiên có hiệu lực trong giai đoạn từ ngày 28/5/2009 đến ngày 31/7/2015, các bên thừa nhận các hợp đồng này đã chấm dứt theo thỏa thuận của các bên hoặc chấm dứt do hết hạn hợp đồng, nguyên đơn không có quyền khởi kiện đòi bị đơn phải trả tiền trợ cấp thôi việc trong giai đoạn này do thời hiệu khởi kiện theo từng hợp đồng là đã hết.

[4.2] Đối với Hợp đồng giám đốc học vụ người lớn ngày 01/9/2015, nguyên đơn thừa nhận gửi đơn xin nghỉ việc bằng email ngày 30/9/2015, bị đơn có Thông báo về việc hoàn tất/chấm dứt hợp đồng lao động giám đốc học vụ người lớn ngày 08/10/2015 (có chữ ký xác nhận của ông Darren) và Bảng tính tiền lương và phúc lợi khi hoàn thành/kết thúc hợp đồng(có chữ ký xác nhận của ông Darren) ngày 08/10/2015. Hai tài liệu này được xác lập phù hợp với quy định tại Điểm 3.2.6 Điều 3 của Hợp đồng giám đốc học vụ người lớn ngày 01/9/2015. Các bên đương sự đều xác định hợp đồng lao động này đã chấm dứt theo sự thỏa thuận của các bên là ngày 01/10/2015. Thời hiệu khởi kiện theo Hợp đồng này là đã hết vào ngày 01/10/2016.

[4.3] Đối với Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 có thời hạn hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 01/8/2015 đến ngày 31/7/2016: Xét đơn xin nghỉ việc được thể hiện bằng email ngày 30/9/2015 của nguyên đơn có nội dung *"Tôi viết email này để xác nhận thông tin chúng tôi đã trao đổi qua điện thoại rằng hôm nay là ngày làm việc cuối cùng của tôi theo sự đồng ý của anh Jon. ..."*; Nội dung email này đã thể hiện nguyên đơn xin nghỉ việc vào ngày 30/9/2015 là ngày làm việc cuối cùng của nguyên đơn, không thể hiện nội dung nguyên đơn chỉ xin nghỉ công việc theo Hợp đồng lao động nào nhưng vẫn có thể dẫn đến bị đơn hiểu rằng nguyên đơn xin nghỉ việc đối với cả hai hợp đồng. Bị đơn cho rằng nội dung của đơn xin nghỉ việc bằng email ngày 30/9/2015 đã thỏa mãn điều kiện chấm dứt hợp đồng lao động nên việc chấm dứt hợp đồng lao động đã có hiệu lực từ ngày nguyên đơn gửi email xin nghỉ việc, không cần phải có Thông báo về việc hoàn tất/chấm dứt hợp đồng lao động. Nguyên đơn xác định không xin chấm dứt Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2016 trong đơn xin nghỉ việc bằng email ngày 30/9/2015;

Căn cứ vào Điểm 3.2.5 Điều 3 Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 thì "*Tiền thanh toán cuối cùng (khi chấm dứt/hoàn thành hợp đồng lao động) sẽ được thực hiện trong vòng 5 ngày làm việc sau khi người lao động hoàn thành quy trình thôi việc. Để hoàn thành quy trình này, người lao động phải kiểm tra và ký xác nhận vào hồ sơ thôi việc được cung cấp trong vòng 3 ngày làm việc sau ngày làm việc cuối cùng của người lao động*". Bị đơn xác định giữa hai bên không cần có Thông báo về việc hoàn tất/chấm dứt hợp đồng lao động; đồng thời xác nhận không cung cấp được Bảng tính tiền lương và phúc lợi khi hoàn thành/kết thúc hợp đồng (có chữ ký xác nhận của ông Darren). Do đó cần xác định là giữa hai bên không có thỏa thuận thực hiện chấm dứt Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 trước thời hạn.

Tuy nhiên, căn cứ vào Điểm 5.1.1 Điều 5 Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 thì "*Giờ giảng dạy từ 7:30 sáng – 10 tối từ thứ Hai đến*

Chủ Nhật" ... "Tất cả các giáo viên đều phải giảng dạy các khối lớp theo sự phân công của A." và khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 thì "*Người lao động có trách nhiệm kiểm tra thời gian biểu được Cán bộ xếp lịch chuẩn bị chính xác trước ngày 29 hàng tháng theo chỉ dẫn của A"*. Theo thỏa thuận này, trong trường hợp nguyên đơn cho rằng mình không xin nghỉ việc với Hợp đồng giáo viên bán thời gian, thì trước ngày 29/9/2015 và các ngày 29 của những tháng tiếp theo, nguyên đơn có trách nhiệm kiểm tra thời gian biểu để thực hiện nghiệm vụ của mình và khi bị đơn không phân công công việc cho nguyên đơn trong tháng liền kề thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phân công công việc, nếu không được phân công công việc có quyền khởi kiện tại Tòa tranh chấp hợp đồng lao động. Thực tế, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phân công công việc, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ (bảng chấm công, bảng lương hàng tháng đối với công việc giáo viên bán thời gian) để chứng minh cho việc nguyên đơn vẫn làm việc kể từ sau ngày 30/9/3015 đến ngày 31/7/2016. Từ ngày 01/10/2015, nguyên đơn không có thông báo với bị đơn về việc chấm dứt hợp đồng, không yêu cầu phân công công việc trước ngày 29/9/2015 nếu bị đơn không sắp xếp giờ giảng dạy và tự ý bỏ việc, vi phạm thời hạn báo trước về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Do đó đủ căn cứ xác định nguyên đơn (người lao động) đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 37, Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật không được trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 43 Bộ luật lao động. Trường hợp người lao động khởi kiện yêu cầu tính trợ cấp thôi việc thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện là ngày 01/10/2015. Thời hiệu khởi kiện theo Hợp đồng này là đã hết vào ngày 01/10/2016.

Cấp sơ thẩm xác định ngày 19/10/2015 là ngày cuối cùng nguyên đơn được nhận lương do bị đơn thanh toán theo Bảng tính tiền lương và phúc lợi khi hoàn thành/kết thúc hợp đồng của Hợp đồng giám đốc học vụ người lớn ngày 01/9/2015 là ngày bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện tranh chấp đối với Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 là chưa chính xác.

[4.4] Căn cứ khoản 2 Điều 147, Điều 150, Điều 151, Điều 154 của Bộ luật dân sự năm 2015, căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012 "Thời hiệu yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm".

Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án. Nhận thấy: Đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 28/11/2016 và được nộp tại Tòa án ngày 30/11/2016; Tại thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, thời hiệu khởi kiện của yêu cầu đòi tiền trợ cấp nghỉ việc đối với chín (9) Hợp đồng lao động mà nguyên đơn và bị đơn ký kết đã hết. Cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 2557/2018/QĐST–LĐ ngày 30/11/2018 là đúng quy định.

[4.5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy Tòa án sơ thẩm nhận định: Tại đơn xin nghỉ việc ngày 30/9/2015, nguyên đơn đã xin nghỉ tất cả các công việc đang làm cho bị đơn và được bị đơn đồng ý. Hợp đồng giám đốc học vụ người lớn ngày 01/9/2015 và Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 cùng chấm dứt vào ngày 30/9/2015. Ngày 19/10/2015 là ngày cuối cùng nguyên đơn được nhận lương do bị đơn thanh toán nên tại thời điểm này nguyên đơn phải biết việc nguyên đơn không được nhận tiền trợ cấp thôi việc từ bị đơn và ngày kết thúc thời hạn khởi kiện là ngày 19/10/2016. Tuy nhiên xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền trợ cấp thôi việc là 309.276.000 đồng cho khoảng thời gian nguyên đơn làm việc là 7 năm 5 tháng tính từ ngày 28/5/2009 đến ngày 31/7/2016 trên cơ sở chín (9) hợp đồng đã được các bên ký kết. Tám hợp đồng đã được xác định là hết thời hiệu khởi kiện, riêng Hợp đồng giáo viên bán thời gian ngày 28/7/2015 là chưa hết thời hiện khởi kiện do bị đơn không cung cấp được Thông báo về việc hoàn tất/chấm dứt hợp đồng lao động và Bảng tính tiền lương và phúc lợi khi hoàn thành/kết thúc hợp đồng như theo thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó việc Tòa án nhân dân quận BT ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 2557/2018/QĐST – LĐ ngày 30/11/2018 với lý do hết thời hiệu khởi kiện là không chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Ông P hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nêu trên.

Từ những nhận định như trên, Hội đồng phúc thẩm xét thấy: Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 2557/2018/QĐST – LĐ ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận BT với lý do hết thời hiệu khởi kiện là đúng quy định. Hội đồng xét xử không thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[4.6] Do không chấp nhận kháng cáo nên Ông P phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ Điều 37, Điều 41 khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 2 Điều 147, Điều 150, Điều 151, Điều 154 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217, điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông P. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 2557/2018/QĐST-LĐ ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông P phải chịu 300.000 đồng, cấn trừ vào số tiền 300.000đồng do Ông P đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng

án phí số 0020079 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh thành án phí lao động phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- Tòa án nhân dân quận BT;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận BT;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Ngọc Tài